

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24-9-2025

V/v “*tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ngô Thị Quốc Thanh

2. Bà La Thị Thu Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Hiếu

Ngày 24 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 06 năm 2025 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXX-ST ngày 16 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Tổ 9, ấp Phước Hòa, xã Hồ Tràm, thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Cao Văn T, sinh năm 1972. Địa chỉ: Tổ 9, ấp Phước Hòa, xã Hồ Tràm, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ng và ông Cao Văn T tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau vào năm 1995, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào ngày 01/10/2002 (nay là UBND xã Hồ Tràm, thành phố Hồ Chí Minh). Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Bà Ng và ông T sống chung với nhau hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xảy ra xô xát, cãi vã. Bà Ng và ông T đã cố gắng hòa giải mâu thuẫn để hàn gắn hạnh phúc nhưng không thành; mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không nín kéo tình cảm được nữa. Nay do tình cảm vợ chồng không còn nên bà Ng yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Ng được ly hôn với ông Cao Văn T.

Về con chung và cấp dưỡng: Trong thời gian sống chung bà Nguyễn Thị Ng và ông Cao Văn T có bốn người con chung tên là Cao Thị Cẩm Th, sinh ngày 09/09/1995; Cao Thị Cẩm V, sinh ngày 09/09/1995; Cao Minh T1, sinh ngày 02/12/1998 và Cao Thị Bích Tr, sinh ngày 17/02/2000. Hiện tại các con đã trưởng thành, không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự nên bà Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và không yêu cầu gì về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn ông Cao Văn T:

Theo phiếu xác minh của Tòa án tại công an xã Hồ Tràm, thành phố Hồ Chí Minh, kết quả xác minh ông Cao Văn T có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại địa chỉ tổ 9, ấp Phước Hoà, xã Hồ Tràm, thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự cho ông Cao Văn T tại địa chỉ nơi cư trú nhưng ông T vẫn không có mặt theo thông báo của Tòa án. Ông T cũng không có văn bản ghi ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Cao Văn T có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại địa chỉ tổ 9, ấp Phước Hoà, xã Hồ Tràm, thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14, thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Cao Văn T đến phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không có lý do; căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nhận thấy, bà Nguyễn Thị Ng và ông Cao Văn T chung sống vợ chồng với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là ủy ban nhân dân xã Hồ Tràm, thành phố Hồ Chí Minh), hôn nhân dựa trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc nên theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình quan hệ hôn nhân giữa bà Ng và ông T là hôn nhân hợp pháp. Đối với ông T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa tuy nhiên ông T vắng mặt không có lý do, có thái độ trốn tránh, không có thiện chí hoà giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng mặc dù vẫn thường xuyên sinh sống tại địa phương chứng tỏ ông T đã bỏ mặc không quan tâm gì đến quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà Ng.

Qua các chứng cứ và lời khai của các đương sự chứng tỏ mâu thuẫn gia đình giữa bà Nguyễn Thị Ng và ông Cao Văn T là có thật và không hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; như vậy yêu cầu ly hôn của bà Ng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Ng được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Ng và ông Cao Văn T có với nhau bốn người con chung tên là Cao Thị Cẩm Th, sinh ngày 09/09/1995; Cao Thị Cẩm V, sinh ngày 09/09/1995; Cao Minh T1, sinh ngày 02/12/1998 và Cao Thị Bích Tr, sinh ngày 17/02/2000. Xét thấy các con của bà Ng và ông T đều đã trưởng thành, không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự, các đương sự cũng không có yêu cầu gì về con chung cũng như cấp dưỡng nuôi con nên Toà án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ng khai nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án, của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Nguyễn Thị Ng phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm; ông Cao Văn T không phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ng; Xử cho bà Nguyễn Thị Ng được ly hôn với ông Cao Văn T.

2. Về con chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự khai nhận không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ng phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 000026643, ngày 11 tháng 6 năm 2025, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc (Nay là thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh); bà Ng đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Cao Văn T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho bà Nguyễn Thị Ng biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Cao Văn T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo qui định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 14 TP.Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP.Hồ Chí Minh;
- UBND xã Hồ Tràm, TP.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thu Hiền